TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 30/2021/DS-PT
Ngày: 19-01-2021

V/v Hủy hợp đồng góp vốn và đòi tài sản tài sản.

.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Lan Anh**

Các Thẩm phán Ông **Vũ Viết Văn**

Bà **Nguyễn Thu Hồng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đinh Thị Thu Hương** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Thuý Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 377/2020/TLPT-DS ngày 05 tháng 10 năm 2020 về: Hủy hợp đồng góp vốn và đòi tài sản tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 78/2020/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện ĐA1, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 488/2020/QĐ-PT ngày 30 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông **NTC2**, sinh năm 1956. Hộ khẩu thường trú: Số 22 +27, L5 TT3, phường LH4, quận DD5, Hà Nội. Nơi ở: Số 1N 7B, NTT6, phường NC7, quận TX8, Hà Nội (*có mặt*) .

1.2. Anh **VTS9**, sinh năm 1986. Hộ khẩu thường trú: 34 Ngách 127, ngõ QT10, phường OCD11, quận DD5, Hà Nội. Nơi ở: CT 19 Khu đô thị VH12, quận LB13, Hà Nội (*có mặt*).

1.3. Chị **HTH14**, sinh năm 1983. Hộ khẩu thường trú: Nhà A5, Ngách 84/30 NK15, phường GV16, quận BĐ17, Hà Nội. Nơi ở: Phòng 902, B11C khu đô thị NTY18, phường TH19, quận CG20, Hà Nội (*có mặt*).

1.4. Chị **DATH21**, sinh năm 1991. Hộ khẩu thường trú: 23 Ngách 90/3 HB22, phường YH23, quận CG20, Hà Nội. Nơi ở: TH19, NC7, quận TX8, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của chị DATH21 là anh **HT24**, sinh năm 1982. Hộ khẩu thường trú: Số 2 ngách 6/14 ĐN25, phường VP26, quận BĐ17, Hà Nội. Nơi ở: P902, nhà B11C khu đô thị NTY18, phường TH19, quận CG20, Hà Nội (*có mặt*).

2. Bị đơn:

2.1. Bà **NTL27**, sinh năm 1955. Hộ khẩu thường trú: Thôn LC28, xã XC29, huyện ĐA1, thành phố Hà Nội (*có mặt*).

2.2. Chị **BLA30**, sinh năm 1982. Hộ khẩu thường trú: Phòng 1104, tòa V1, chung cư Home city 177 TK31, thành phố Hà Nội (*có mặt*).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Vương Cẩm Vân – Văn phòng luật sư Hưng Giang, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội (*có mặt*).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông HKD32, sinh năm 1970. Hộ khẩu thường trú: Thôn LC28, xã XC29, huyện ĐA1, thành phố Hà Nội *(vắng mặt).*

Người đại diện theo ủy quyền của ông Dũng: Ông **Nguyễn Văn Đăng**, sinh năm 1979; Hộ khẩu thường trú: số 3 Ngõ 21 Nguyễn Như Đổ, phường Văn Miếu, quận DD5, thành phố Hà Nội *(có mặt).*

Do có kháng cáo của bà NTL27 là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại Đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên toà nguyên đơn trình bày:*

Chúng tôi có quan hệ quen biết bình thường khoảng hơn 2 năm với chị BLA30, hai bên không có mâu thuẫn gì. Ngày 08/12/2018, chúng tôi được chị Lan Anh cho biết chỗ gần nhà chị có miếng đất xen kẹt sẽ có thể chuyển đổi thành đất thổ cư được. Chị Lan Anh là người chủ động đề xuất việc này. Chúng tôi có thỏa thuận: ông NTC2góp 630 triệu đồng, chị BLA30 góp 315 triệu đồng, chị HTH14 góp 420 triệu đồng, chị DATH21 góp 420 triệu đồng, anh VTS9 góp 315 triệu đồng. Các bên thỏa thuận số tiền này dùng để nhận chuyển nhượng miếng đất xen kẹt ở XC29 như chị Lan Anh nói. Toàn bộ số tiền này sau khi góp thì chúng tôi giao cho bà NTL27 (là mẹ đẻ chị Lan Anh) vì bà Liên nói bà quen biết rất nhiều, có đóng góp nhiều cho địa phương và sẽ chắc chắn giúp chuyển đổi mục đích sử dụng miếng đất kia thành đất thổ cư. Việc giao nhận tiền được thể hiện bằng văn bản "Biên nhận tiền" ngày 26/9/2019 có chữ ký của ông Cương, bà Liên. Tuy biên bản này thể hiện bà Liên là người giao tiền nhưng trong giấy biên nhận có thể hiện rõ từng ngày chúng tôi đã giao tiền cho bà Liên, tổng số tiền là 2.100.000.000 đồng, giao làm 3 đợt. Sau đó ông Cương còn giao cho bà Liên số tiền là 1.000.000.000 đồng để chi phí làm thủ tục. Tổng số tiền các ông bà đã giao cho bà Liên là 3.100.000.000 đồng. Nguyên nhân số tiền giao

cho bà Liên lớn hơn số tiền góp vốn là vì bà Liên nói phải chi phí nhiều cho việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất và làm sổ đỏ miếng đất .

Tuy nhiên, sau đó các bên không thực hiện đúng biên bản thỏa thuận góp vốn, vì bà Liên lúc đầu có hứa với chúng tôi sẽ làm được chuyển đổi mục đích sử dụng đất chậm nhất trong vòng từ 03 đến 06 tháng. Mãi đến khoảng 8-9 tháng sau chúng tôi vẫn không thấy có kết quả thì chúng tôi đã đòi lại tiền. Bà Liên đã trả lại cho chúng tôi được 1.470.000.000 đồng. Đến nay, bà Liên còn chưa trả chúng tôi 1.315.000.000 đồng.

Trước khi góp vốn chúng tôi không thỏa thuận cụ thể về việc nếu góp vốn không thành thì hậu quả như thế nào, nhưng trong luật đã quy định rõ nếu thỏa thuận không thành thì các bên sẽ phải hoàn trả cho nhau những gì đã góp.

Sau khi bà Liên không trả tiền cho chúng tôi, thì chúng tôi đã làm đơn tố cáo đến Công an huyện ĐA1 và Công an đã có kết luận bằng Phiếu hướng dẫn số 39 ngày 14/11/2019, xác định việc tranh chấp giữa chúng tôi với bà Liên là tranh chấp dân sự, không có dấu hiệu hình sự.

Chúng tôi khẳng định ông Hoàng Xuân Dũng không liên quan gì đến vụ án này, vì toàn bộ số tiền chúng tôi giao cho bà Liên. Tuy nhiên, chúng tôi được biết thì ông Dũng có họ hàng với bà Liên. Trong trường hợp phải hủy biên bản thỏa thuận góp vốn thì ai lấy phần của người đó và lấy tiền từ bà Liên.

Nay, chúng tôi đề nghị Tòa án tuyên hủy biên bản thỏa thuận góp vốn ngày 08/12/2018 giữa các bên và yêu cầu giải quyết hậu quả là bà Liên phải trả lại chúng tôi số tiền 1.315.000.000 đồng (trả chung cho 04 nguyên đơn, không chia theo kỷ phần từng người, trong số tiền này không có số tiền góp vốn của chị Lan Anh). Ngoài ra, đề nghị bà Liên phải chịu số tiền lãi của số tiền chưa trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468, khoản 4 Điều 131 Bộ luật Dân sự từ ngày 08/12/2018 đến khi giải quyết xong vụ án.

** Các bị đơn là:*

- Chị BLA30 trình bày:

Tôi và các nguyên đơn là anh em chơi thân với nhau, không có mâu thuẫn gì. Khi dự định làm chung với nhau thì tôi là người nói việc bên xã XC29, huyện ĐA1 có miếng đất đẹp, mọi người sang xem đất và cùng đồng ý việc góp vốn mua. Miếng đất đó là của ông HKD32. Ông Dũng có cung cấp các văn bản giấy tờ của miếng đất đó đưa cho tôi và tôi đưa cho mọi người xem. Tại thời điểm các bên lập biên bản góp vốn ngày 08/12/2018 không có mặt ông Dũng, không có mặt bà Liên. Tôi góp 465 triệu (315 triệu thể hiện trong biên bản góp vốn, 150 triệu là góp tiền mặt bên ngoài, không có chứng cứ gì). Sau khi góp vốn thì số tiền đó được chuyển vào tài khoản của chị DATH21, bà Hương rút tiền đưa cho anh Sơn và anh Chân (là chồng chị Hương). Sau đó, anh Sơn và anh Chân đã cầm số tiền đó giao cho ông HKD32 tại nhà ông Dũng. Việc giao nhận có giấy biên

nhận do vợ chồng ông Dũng viết. Bà Liên có mặt và ký giấy giao tiền cho ông Dũng hộ mọi người vì mọi người nhờ bà Liên đứng tên hộ mảnh đất trên.

Các nguyên đơn không giao cho bà Liên tiền, vì những lần giao tiền tôi là người trực tiếp lái xe đưa các ông đi giao tiền cho ông Dũng, có bà Liên đi cùng. Số tiền 2.100.000.000 đồng giao cho ông Dũng, còn số tiền 1.000.000.000 đồng giao cho bà Liên. Bà Liên đã trả lại cho các nguyên đơn tổng số tiền 1.470.000.000 đồng, vì bên nguyên đơn đã đến chỗ mẹ tôi làm o ép nhiều quá, nên mẹ tôi đành chấp nhận trả. Trong sự việc này tôi không được hưởng lợi gì và tôi cũng bị thiệt hại. Hiện nay miếng đất trên vẫn do ông Dũng quản lý sử dụng.

Đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tôi có ý kiến như sau:

- Tôi đồng ý yêu cầu hủy văn bản thỏa thuận góp vốn ngày 08/12/2018 giữa các bên vì thỏa thuận đã đã thực hiện rồi.

- Việc nguyên đơn yêu cầu bà Liên trả lại số tiền 1.315.000.000 đồng và lãi suất là không có căn cứ, vì bà Liên không hề góp vốn, không nhận số tiền trên do vậy không thể trả nguyên đơn số tiền đó được.

- Bà NTL27 trình bày:

Tôi không tham gia thỏa thuận góp vốn được đề cập theo đơn khởi kiện. Việc các bên thỏa thuận góp vốn tiếp tục thực hiện hay chấm dứt thỏa thuận góp vốn không liên quan đến quyền, nghĩa vụ của tôi, mà phụ thuộc quyền quyết định của các bên tham gia góp vốn, theo quy định của pháp luật. Vì vậy, tôi đề nghị Tòa án căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự trả lại đơn khởi kiện, không triệu tập tôi là bị đơn đối với yêu cầu hủy biên bản thỏa thuận về việc góp vốn kinh doanh ngày 08/12/2018.

Đối với yêu cầu tôi trả lại số tiền 1.315.000.000 đồng, tôi có ý kiến như sau: Người khởi kiện đã cung cấp chứng cứ để chứng minh: Người khởi kiện đã giao tiền cho tôi và tôi đã hoàn trả một phần số tiền đã nhận cho những người khởi kiện gồm: 04 giấy biên nhận tiền ngày 26/9/2019, ngày 30/9/2019, ngày 04/10/2019, ngày 18/02/2019. Theo đó, tôi đã nhận tổng số tiền 3.100.000.000 đồng và đã trả lại cho người khởi kiện tổng số tiền là 1.470.000.000 đồng. Đây là các giấy tờ, chứng cứ có thật, ghi nhận nội dung thỏa thuận giữa những người khởi kiện và tôi. Tôi đồng ý.

Theo đó, tại giấy biên nhận tiền ngày 26/9/2019, những người khởi kiện đã xác nhận sự việc tôi đã giao toàn bộ số tiền 2.100.000.000 đồng cho ông HKD32 theo 03 đợt, có thời gian xác định cụ thể. Đồng thời, khi chấm dứt giao dịch, những người khởi kiện cũng xác nhận tình trạng thực tế: "Sau hơn 9 tháng ông Dũng không thực hiện các thủ tục để bà Liên có thể ký mới Hợp đồng thuê đất nên chúng tôi (những người khởi kiện) không còn nhu cầu đầu tư và đã đề nghị bà Liên yêu cầu ông Dũng hoàn trả tiền cho bà Liên để bà Liên trả lại cho chúng tôi số tiền 2.100.000.000 đồng nói trên". Như vậy, những người khởi kiện đã xác

định rất rõ hậu quả của việc chấm dứt giao dịch. Tôi sẽ có nghĩa vụ trả lại cho những người khởi kiện (bao gồm cả tiền góp vốn của chị BLA30, hiện không có yêu cầu khởi kiện) số tiền 2.100.000.00 đồng sau khi ông HKD32 hoàn trả lại cho tôi (NTL27) số tiền đã nhận.

Trên thực tế, tôi đã sử dụng tổng số tiền là 3.503.000.000 đồng để giao cho ông HKD32 và trả lại cho những người khởi kiện, cụ thể như sau:

- Tổng số tiền tôi trực tiếp giao cho ông HKD32 là 2.033.000.000 đồng, số tiền còn lại 67.000.000 đồng tôi giữ lại để đảm bảo cho việc ông Dũng hoàn thiện thủ tục để tôi có thể ký mới hợp đồng thuê đất. Các lần tôi giao tiền cho ông Dũng đều thực hiện theo yêu cầu của những người khởi kiện.

- Tháng 9/2019, tức là sau khi tôi đã giao tiền cho ông Dũng được 09 tháng, những người khởi kiện thông báo cho biết không còn nhu cầu đầu tư nên đề nghị tôi yêu cầu ông Dũng trả lại số tiền đã nhận. Tôi đã trao đổi ngay với ông Dũng yêu cầu này. Nhưng lúc đó ông Dũng đang trong tình trạng bệnh nặng và đã sử dụng hết số tiền đã nhận. Đến nay, ông Dũng chưa thu xếp trả lại cho tôi khoản tiền 2.033.000.000 đồng. Vì vậy, để có tiền trả lại cho những người khởi kiện, tôi đã thu xếp nguồn tiền khác để trả lại cho ông NTC2(là đại diện cho 04 người khởi kiện) tổng số tiền là 1.470.000. 0000 đồng.

Trong giao dịch với những người khởi kiện: tôi đã nhận tổng cộng số tiền là 3.100.000.000 đồng và đã chi trả tổng cộng số tiền là 3.503.000.000 đồng (gồm: 2.033.000.000 đồng giao cho ông Dũng, 1.470.000.000 đồng giao cho ông Cương). Đến nay, tôi không giữ và cũng không hưởng lợi bất kỳ khoản tiền nào trong tổng số tiền 3.100.000.000 đồng đã nhận từ những người khởi kiện. Đồng thời, tại giấy biên nhận ngày 26/9/2019, các bên cùng xác nhận tình trạng: Tôi sẽ có nghĩa vụ trả lại cho những người khởi kiện sau khi ông Dũng hoàn trả lại cho tôi số tiền đã nhận (2.033.000.000 đồng).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông HKD32 trình bày:* Tôi có quan hệ là người cùng làng với bà NTL27. Tôi không có quan hệ gì và cũng không biết mặt chị BLA30, ông Nguyễn Thạch Cương, anh VTS9, chị HTH14 và chị DATH21. Đối với các nguyên đơn và bị đơn trong vụ án này tôi không có bất cứ mâu thuẫn gì.

Tôi khẳng định không viết giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp 750 m^2 do tôi thuê của Uỷ ban nhân dân huyện ĐA1 (địa chỉ đất tại thôn LC28, xã XC29, ĐA1) cho ai. Thực tế tôi có quen biết bà Liên và hai bên có thỏa thuận, có viết giấy hợp tác để hùn vốn làm ăn, mục đích là để xây dựng nhà xưởng chăn nuôi gà, lợn, trồng cây. Hai bên cùng góp vốn để đầu tư sản xuất, tôi sẽ lo việc sản xuất, còn bà Liên phụ trách khâu tiêu thụ. Khi góp vốn hợp tác làm ăn với tôi vào tháng 12/2019 bà Liên có chuyển cho tôi số tiền 01 tỷ đồng để đầu tư sản xuất. Tuy nhiên, do không đầu tư hết nên đến tháng 02/2020 tôi đã trả lại

bà Liên số tiền 500.000.000 đồng. Hiện nay tôi chỉ giữ 500.000.000 đồng tiền góp vốn hợp tác làm ăn của bà Liên.

Tôi không quen biết gì với 04 nguyên đơn và cũng không liên quan gì đến việc chuyển nhượng đất vì tôi không hề chuyển nhượng đất cho ai. Việc tôi nhận tiền của bà Liên không liên quan gì đến tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn, mà thực chất đây là góp vốn hợp tác làm ăn giữa tôi và bà Liên. Nay 04 nguyên đơn khởi kiện bà Liên và chị Lan Anh yêu cầu đòi lại số tiền đã đưa cho bà Liên để nhận chuyển nhượng đất của tôi thì tôi khẳng định không có việc chuyển nhượng đất nào cả, tôi không có quyền lợi, nghĩa vụ gì đến vụ án này. Tôi và bà Liên có viết giấy hợp tác làm ăn. Tuy nhiên hiện nay tôi không giữ giấy này mà bà Liên giữ. Tôi đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 78/2020/DS-ST ngày 26/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện ĐA1, Hà Nội đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thạch Cương, bà HTH14, bà DATH21, ông VTS9 đối với chị BLA30, bà NTL27 về yêu cầu hủy hợp đồng góp vốn và đòi tài sản.

2. Hủy Biên bản thỏa thuận về việc góp vốn kinh doanh ngày 08/12/2018 giữa ông Nguyễn Thạch Cương, bà HTH14, bà DATH21, ông VTS9 và chị BLA30.

3. Buộc bà NTL27 phải có nghĩa vụ trả ông Nguyễn Thạch Cương, bà HTH14, bà DATH21, ông VTS9 tổng số tiền là 1.541.861.952 đồng (Một tỷ, năm trăm bốn mươi mốt triệu, tám trăm sáu mươi mốt nghìn, chín trăm năm mươi hai đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm, bà NTL27 là bị đơn trong vụ án kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án và hủy một phần bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án bác yêu cầu kháng bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo: xuất trình bản gốc giấy biên nhận tiền giữa ông HKD32 và bà NTL27 và cho rằng vì một phần quyền lợi của con gái bà là chị Lan Anh nên bà đã đồng ý nhận số tiền góp vốn 2.100.000.000đ của các nguyên đơn để mua giúp mảnh đất 750m^2 của ông HKD32 tại thôn LC28, xã XC29, ĐA1 và 1.000.000.000đ để làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất, sở dĩ phải làm như vậy là vì các nguyên đơn không có hộ khẩu tại thôn LC28, XC29 ĐA1 nên không được quyền mua đất nông nghiệp bà Liên đã phải đứng ra giúp ký biên bản giao nhận tiền và các thủ tục khác với ông Dũng. Đến thời điểm này giữa bà và ông Dũng chưa ký hợp đồng, chưa làm thủ tục chuyển nhượng

mảnh đất nói trên. Trong giao dịch với những người khởi kiện: bà đã nhận tổng cộng số tiền là 3.100.000.000 đồng và đã chi trả tổng cộng số tiền là 3.503.000.000 đồng (gồm: 2.033.000.000 đồng giao cho ông Dũng, 1.470.000.000 đồng giao cho ông Cương). Đến nay, bà Liên không giữ và cũng không hưởng lợi bất kỳ khoản tiền nào trong tổng số tiền 3.100.000.000 đồng đã nhận từ những người khởi kiện. Đồng thời, tại giấy biên nhận ngày 26/9/2019, các bên cùng xác nhận tình trạng: Bà Liên không có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn lại cho nguyên đơn, bà Liên sẽ có nghĩa vụ trả lại cho những người khởi kiện sau khi ông Dũng hoàn trả lại cho bà số tiền đã nhận (2.033.000.000 đồng). Bà cũng không có nghĩa vụ phải trả lãi cho số tiền bà đã cầm hộ để đưa cho ông Dũng cũng như số tiền 1.000.000.000đ bà nhận từ ông Cương.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày quan điểm như bị đơn ngoài ra còn khẳng định cấp sơ thẩm không đánh giá khách quan toàn diện tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ; thụ lý yêu cầu tính lãi và bồi thường thiệt hại của nguyên đơn là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng vì không đóng dự phí, không thông báo cho bị đơn về yêu cầu này. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn chị BLA30 đồng ý với ý kiến của bà Liên và giữ nguyên lời khai như cấp sơ thẩm.

Đại diện của ông HKD32 thay đổi lời khai so với lời khai tại cấp sơ thẩm. Lý do ông Dũng thay đổi lời khai vì tại cấp sơ thẩm ông không tỉnh táo. Tại phiên tòa hôm nay đại diện của ông Dũng trình bày: ông Dũng đã nhận (2.033.000.000 đồng từ bà Liên để chuyển nhượng mảnh đất nông nghiệp có diện tích 750m^2 của ông tại thôn LC28, xã XC29, ĐA1) cho các nguyên đơn, bản thân ông không biết những người này mà chỉ biết bà Liên, ông Dũng là người nhận tiền của một người phụ nữ và của một người đàn ông (không nhớ rõ mặt) đi cùng bà Liên nhưng những người này không ký vào giấy biên nhận mà bà Liên là người trực tiếp ký vào giấy biên nhận tiền. Sau khi ông Dũng nhận tiền ông đã sử dụng hết số tiền này nhưng giữa bà Liên và ông Dũng chưa ký hợp đồng chuyển nhượng mảnh đất nói trên. Vì các bên có tranh chấp UBND huyện ĐA1 đã ra quyết định thu hồi mảnh đất này của ông Dũng.

Các đương sự không cung cấp thêm chứng cứ mới và không thỏa thuận được cách giải quyết vụ án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm, thư ký phiên toà và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tốt tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên toà đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 2

Điều 308 BLTTDS sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 78/2020/DS-ST ngày 26/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện ĐA1, thành phố Hà Nội về lãi suất theo hướng: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà Liên phải chịu lãi suất của số tiền 1.47.000.000đ và 315.000.000đ (là số tiền còn lại trong tổng số tiền các nguyên đơn góp ban đầu mà bà Liên chưa trả) và 1.000.000.000đ kể từ ngày nhận tiền (ngày 11/12/2018 đối với số tiền 1.470.000.000đ và 315.000.000đ; ngày 18/02/2019 đối với số tiền 1.000.000.000đ) đến ngày bà Liên bắt đầu trả cho nguyên đơn (ngày 26/9/2019) là 127.141.119đ. Buộc nguyên đơn phải chịu án phí có giá ngạch đối với phần yêu cầu không được chấp nhận. Riêng ông Cương được miễn án phí vì là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 NQ số 326 ngày 30/12/2016 về án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng trực tiếp tại phiên toà; nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ kiện, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng**: kháng cáo của bà NTL27 đối với bản án sơ thẩm số 78/2020/DSST ngày 26/6/2020 của Toà án nhân dân huyện ĐA1, thành phố Hà Nội trong thời hạn và đã thực hiện theo quy định của pháp luật là hợp pháp. Tại phiên tòa các đương sự và đại diện theo ủy quyền có mặt.

[2] **Về nội dung**:

[2.1] Đối với yêu cầu hủy hợp đồng góp vốn: Ngày 08/12/2018, ông Nguyễn Thạch Cương, chị BLA30, chị HTH14, chị DATH21 và anh VTS9 lập Biên bản thỏa thuận về việc góp vốn kinh doanh, nội dung thể hiện: Mục đích góp vốn để cùng nhận chuyển nhượng 750m^2 đất nông nghiệp tại xứ đồng Hồ Dưới thôn LC28, xã XC29, huyện ĐA1. Số vốn góp cụ thể như sau: Tổng số vốn góp 2.100.000.000 đồng, trong đó ông NTC2góp 630 triệu đồng, chị BLA30 góp 315 triệu đồng, chị HTH14 góp 420 triệu đồng, chị DATH21 góp 420 triệu đồng, anh VTS9 góp 315 triệu đồng. Các bên thống nhất cử chị BLA30 là đại diện quản lý toàn bộ phần vốn góp nói trên để thực hiện đúng mục đích góp vốn.

Sau khi góp vốn, các bên không thực hiện được mục đích là nhận chuyển nhượng 750m^2 đất nông nghiệp tại xứ đồng Hồ Dưới thôn LC28, xã XC29, huyện ĐA1. Vì vậy, nay nguyên đơn yêu cầu hủy Biên bản thỏa thuận về việc góp vốn kinh doanh ngày 08/12/2018. Bị đơn là chị BLA30 nhất trí hủy biên bản này. Sự thỏa thuận hủy Biên bản thỏa thuận về việc góp vốn kinh doanh ngày 08/12/2018 của các bên phù hợp pháp luật và các đương sự không ai kháng cáo về phần này nên hội đồng xét xử không xem xét.

[2.2] Đối với yêu cầu kháng cáo của bà NTL27:

- Về sửa đổi một phần bản án sơ thẩm đối với quyết định buộc bà Liên trả lại cho các nguyên đơn số tiền là 1.315.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Về yêu cầu đòi tài sản của nguyên đơn, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ và lời thừa nhận của bị đơn là bà NTL27 thì đủ căn cứ xác định các nguyên đơn đã giao cho bà NTL27 tổng số tiền 3.100.000.000 đồng, trong đó có cả số tiền góp của chị BLA30 là 315 triệu đồng. Chị Lan Anh không quản lý số tiền các bên góp như nội dung Biên bản thỏa thuận về việc góp vốn kinh doanh ngày 08/12/2018 mà các bên đã giao cho bà Liên số tiền 3.100.000.000 đồng của các nguyên đơn và chị Lan Anh. Sau đó, các bên không thực hiện được mục đích nhằm hướng tới là nhận chuyển nhượng 750m^2 đất nông nghiệp tại xứ đồng Hồ Dưới thôn LC28, xã XC29, huyện ĐA1 nên các bên đã yêu cầu bà Liên trả lại số tiền trên. Bà Liên đã 03 lần trả lại tiền cho các nguyên đơn với số tiền là 1.470.000.000 đồng, còn thiếu 1.630.000.000 đồng, trong đó có số tiền của chị Lan Anh 315.000.000 đồng. Như vậy, bà Liên còn trả thiếu 04 nguyên đơn số tiền là 1.315.000.000 đồng. Tất cả những lần viết giấy biên nhận tiền chỉ có chữ ký của bà Liên, ông Cương là đại diện cho các nguyên đơn, không hề có tài liệu nào thể hiện việc các nguyên đơn giao tiền cho ông HKD32; bà Liên không xuất trình được giấy tờ liên quan đến việc bà đã giao số tiền của các nguyên đơn cho ông Dũng để thực hiện việc mua bán đất như các bên đã thỏa thuận. Mặc dù, tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của ông Dũng thừa nhận việc ông đồng ý bán thửa đất nông nghiệp 750m^2 của ông tại xứ Đồng, Hồ Dưới, thôn LC28, xã XC29, ĐA1, Hà Nội cho các nguyên đơn thông qua bà Liên và nhận số tiền 2.033.000.000đồng từ hai người đi cùng bà Liên, lúc đó bà Liên và ông Dũng có viết giấy biên nhận bà Liên là người giao tiền, ông Dũng là người nhận tiền nhưng đại diện ủy quyền của ông Dũng cũng không đưa ra được tài liệu khẳng định nhận tiền và bán đất cho các nguyên đơn.

Việc giữa bà Liên với ông HKD32 có lập hợp đồng chuyển nhượng đất hay góp vốn làm ăn hay không là quan hệ độc lập giữa bà Liên với ông Dũng, không liên quan đến 04 nguyên đơn. Nếu bà Liên, ông Dũng có tranh chấp về các giao dịch dân sự ký kết với nhau thì các bên có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của 04 nguyên đơn buộc bà Liên phải có nghĩa vụ trả số tiền 1.315.000.000 đồng là có căn cứ pháp luật do vậy yêu cầu kháng cáo này của bà Liên không được chấp nhận .

- Về không chấp nhận phải bồi thường thiệt hại theo lãi suất ngân hàng của nguyên đơn: Tại Biên bản thỏa thuận về việc góp vốn ngày 08/12/2018 thể hiện sự góp vốn của mỗi bên, không thỏa thuận gì về bồi thường thiệt hại hay lãi suất. Sau đó, các nguyên đơn đã đồng ý giao cho bà Liên cầm tiền đi thực hiện

nội dung thỏa thuận, giữa các nguyên đơn và bà Liên không có sự thỏa thuận nào về việc phạt lãi hay bồi thường thiệt hại khi không thực hiện được giao dịch. Bà Liên không tham gia góp vốn và cũng không có tài liệu nào thể hiện việc bà Liên được hưởng lợi từ số tiền nhận của các nguyên đơn nên bà Liên không phải chịu lãi suất của số tiền lãi mất hưởng của số tiền 1.470.000.00 đồng: Tính từ ngày 11/12/2018 là ngày bên nguyên đơn giao số tiền 2.100.000.000 đồng cho bà Liên đến ngày 26/9/2019 là ngày bà Liên bắt đầu trả lại tiền (289 ngày) x 6,22%/năm= 73.401.183 đồng. Tiền lãi mất hưởng của số tiền 315.000.000 đồng: Tính từ ngày 18/12/2018 là ngày nguyên đơn chuyển tiền cho bà Liên nhưng chưa trả đến ngày 26/9/2018 (289 ngày) x 6,22%/năm = 15.728.825 đồng; Tiền lãi mất hưởng của số tiền 1.000.000.00 đồng từ ngày 18/02/2019 là ngày nguyên đơn chuyển tiền cho bà Liên nhưng chưa trả đến ngày 26/9/2019 (220 ngày) x 6,22%/năm = 38.011.111 đồng. Tổng số tiền lãi của khoản này là 127.141.119 đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy cấp sơ thẩm buộc bà Liên phải thanh toán số tiền này là không có căn cứ nên chấp nhận kháng cáo của bà Liên, bà Liên không phải thanh toán cho các nguyên đơn số tiền lãi này.

- *Về lãi chậm thanh toán của số tiền bà Liên chưa trả 1.315.000.000 đồng*: Từ ngày 27/9/2019 đến ngày xét xử 26/6/2020 (273 ngày) x 10% = 99.720.833 đồng.

Bà Liên cho rằng bà không có nghĩa vụ trả các nguyên đơn số tiền 1.315.000.000 đồng cùng lãi suất chậm trả vì trong số tiền 1.470.000.000 đồng bà đã trả 1.000.000.000 đồng bà trực tiếp nhận từ ông Cương và bà vì bị nguyên đơn thúc ép nên đã trả dư ra số tiền bà nhận từ các nguyên đơn. Bà không có trách nhiệm với số tiền còn lại. Tuy nhiên, bà cũng không có căn cứ nào chứng minh cho lời trình bày của bà. Các nguyên đơn không chấp nhận trình bày của bà Liên.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Sau khi các nguyên đơn thấy bà Liên không thực hiện được việc mua bán đất đã yêu cầu bà Liên trả lại tiền, các bên đã thỏa thuận bà Liên thu xếp trả số tiền trên trong thời gian sớm nhất. Tính đến ngày 26/9/2019 Bà Liên đã 03 lần trả lại tiền cho các nguyên đơn với tổng số tiền là 1.470.000.000 đồng còn thiếu 1.630.000.000 đồng trong đó có số tiền của chị Lan Anh 315.000.000 đồng. Ngày 27/11/2019 các nguyên đơn mới khởi kiện đến tòa án buộc bà Liên 1.315.000.000 đồng. Tại phiên tòa các nguyên đơn khẳng định số tiền bà Liên đã trả không phải là số tiền 1.000.000.0000 đồng mà là là tiền tính chung trong tổng số nợ không tách rời.

Như đã phân tích ở trên, bà Liên có nghĩa vụ thanh toán số tiền 1.315.000.000 đồng cho các đồng nguyên đơn nên bà Liên phải chịu lãi chậm thanh toán của số tiền bà Liên chưa trả 1.315.000.000 đồng: Từ ngày 27/9/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 26/6/2020 (273 ngày) x 10% = 99.720.833 đồng là phù hợp với pháp luật. Kháng cáo của bà Liên về phần lãi này không được chấp nhận.

Như vậy, tính đến ngày 26/6/2020, cần buộc bà NTL27 phải có nghĩa vụ trả nguyên đơn các khoản tiền gồm:

- Tiền các nguyên đơn đã giao cho bà Liên: 1.315.000.000 đồng.
- Tiền lãi chậm thanh toán 99.720.000 đồng.

Tổng cộng là: 1.414.720.000 đồng.

Tại phiên tòa, các nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu chia kỷ phần số tiền bà Liên phải trả mà buộc trả chung cho 04 người.

Đối với số tiền chị BLA30 góp 315.000.000 đồng thì chị BLA30 có quyền khởi kiện bà NTL27 bằng vụ kiện dân sự khác.

Đối với ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Liên về việc Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý yêu cầu tính lãi và bồi thường hiệt hại của các nguyên đơn mà vẫn xem xét là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng gây thiệt hại đến quyền lợi của bị đơn. Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xét thấy tại các lời khai của nguyên đơn, biên bản đối chất, biên bản hòa giải… thể hiện rõ yêu cầu này của các đồng nguyên đơn, bị đơn đã được thông báo tiếp cận tài liệu chứng cứ trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm; yêu cầu tính lãi của các nguyên đơn gắn liền và không vượt quá yêu cầu khởi kiện. Cấp sơ thẩm đã thụ lý giải quyết yêu cầu này là đúng quy định của pháp luật.

Quan điểm của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bà NTL27 và sửa bản án dân sự sơ thẩm số 78/2020/DS-ST ngày 26/6/2020 của Toà án nhân dân huyện ĐA1, thành phố Hà Nội.

Về án phí:

+ Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Thạch Cương, bà NTL27 là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo quy định.

Anh VTS9, chị HTH14, chị DATH21 phải chịu án phí về phần yêu cầu không được chấp nhận.

Chị BLA30 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch.

+ Án phí dân sự phúc thẩm: Bà NTL27 là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 148, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 357; Điều 468, Điều 504, Điều 512 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Luật thi hành án dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thạch Cương, anh VTS9, chị HTH14, chị DATH21 đối với bà NTL27, chị BLA30 về yêu cầu hủy hợp đồng góp vốn và đòi tài sản.

2. Hủy Biên bản thỏa thuận về việc góp vốn kinh doanh ngày 08/12/2018 giữa ông Nguyễn Thạch Cương, anh VTS9, chị HTH14, chị DATH21 và chị BLA30**.**

3. Buộc bà NTL27 phải có nghĩa vụ trả ông Nguyễn Thạch Cương, anh VTS9, chị HTH14, chị DATH21 tổng số tiền là: 1.414.720.000 đồng (*Một tỷ, bốn trăm mười bốn triệu, bảy trăm hai mươi nghìn đồng).*

4. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Thạch Cương, anh VTS9, chị HTH14, chị DATH21 buộc bà NTL27 phải thanh toán số tiền lãi là 127.141.119 *(Một trăm hai mươi bảy triệu, một trăm bốn mốt nghìn, một trăm mười chín)* đồng.

5. Về án phí:

- *Án phí sơ thẩm:*

+ Chị BLA30 phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Nguyễn Thạch Cương, bà NTL27 được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

+ Anh VTS9 phải chịu số tiền 1.589.000 đồng *(Một triệu, năm trăm tám mươi chín nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào 6.431.000 đồng *(Sáu triệu, bốn trăm ba mươi mốt nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0015070 ngày 27/11/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐA1. Hoàn trả anh Sơn số tiền 4.842.000 đồng *(Bốn triệu, tám trăm bốn mươi hai nghìn đồng)*.

- Chị HTH14 phải chịu số tiền 1.589.000 đồng *(Một triệu, năm trăm tám mươi chín nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào 6.431.000 đồng *(Sáu triệu, bốn trăm ba mươi mốt nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0015072 ngày 27/11/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐA1. Hoàn trả chị Hà số tiền 4.842.000 đồng *(Bốn triệu, tám trăm bốn mươi hai nghìn đồng).*

- Chị DATH21 phải chịu số tiền 1.589.000 đồng *(Một triệu, năm trăm tám mươi chín nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào 6.431.000 đồng *(Sáu triệu, bốn trăm ba mươi mốt nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai

thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0015071 ngày 27/11/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐA1. Hoàn trả chị Hương số tiền 4.842.000 đồng *(Bốn triệu, tám trăm bốn mươi hai nghìn đồng).*

- *Án phí phúc thẩm:* Bà NTL27 được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác cho đến khi thi hành án xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lan Anh

Nơi nhận:
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND huyện ĐA1;
- Chi cục THADS huyện ĐA1;
- Các đương sự;
- Lưu VP-HS vụ án;